

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2018/DS-PT

Ngày: 15/8/2018

V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 tháng 7 và 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS - ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2018/QĐ – PT ngày 25/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Bà Đào Thanh X, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Đào Thanh T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Bà Đào Thanh P, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Bà Đào Thanh T1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Bà Đào Thanh Y, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đào Thanh T, Đào Thanh T1 và Đào Thanh Y ủy quyền cho bà Đào Thanh X.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Đào Thanh X: Luật sư T2, Công ty luật TNHH MTV T2 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn:
- 2.1. Ông Võ Minh H, sinh năm 1969;
 - 2.2. Bà Lê Thị G, sinh năm 1940;
 - 2.3. Bà Võ Ngọc C, sinh năm 1962;
 - 2.4. Bà Võ Thị M, sinh năm 1971;
 - 2.5. Bà Võ Ngọc L, sinh năm 1964;
 - 2.6. Bà Võ Thu C1, sinh năm 1966;
 - 2.7. Bà Võ Thị Luyến E, sinh năm 1975;
 - 2.8. Bà Võ Thu X1, sinh năm 1977;
 - 2.9. Bà Võ Ngọc L1, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Võ Ngọc L, bà Võ Ngọc C và bà Võ Thu X1 là ông Thái Quang T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị G, ông Võ Thị M, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E và bà Võ Ngọc L1 ủy quyền cho ông Võ Minh H.

3. Người kháng cáo: Bà Đào Thanh X, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là nguyên đơn trong vụ án.

Có mặt: Bà X, bà P, ông H, ông T, luật sư T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đào Thanh X, Đào Thanh T, Đào Thanh P và những người ủy quyền cho bà X trình bày:

Năm 1955, ông Đào Hòa T3 có mua một thửa đất có diện tích 46.970m² tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C. Đến năm 1973, ông T3 chia cho các con trong đó cha của các nguyên đơn là ông Đào Phước H1 được chia diện tích đất 15.512m², không có đo đạc thực tế, ở hướng Nam giáp với thửa đất của ông Võ Văn H2. Năm 1975 ông H1 mất, đến năm 1989 mẹ của các nguyên đơn là bà Lê Thị T4 mất không để lại di chúc. Năm 1992 các con của ông H1 đồng ý để cho ông Đào Thanh P1 được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1999, ông P1 bệnh chết khi chưa có vợ con.

Người thừa kế theo pháp luật của ông Đào Thanh P1 hiện nay gồm: Bà Đào Thanh X (Huê), sinh năm 1962; Bà Đào Thanh T, sinh năm 1966; Bà Đào Thanh P, sinh năm 1968; Bà Đào Thanh T1, sinh năm 1971; Bà Đào Thanh Y,

sinh năm 1976 (là các đồng nguyên đơn trong vụ án). Ngoài ra không còn ai là người thừa kế theo pháp luật của ông H1, bà T4 và ông P1.

Năm 2000, tất cả chị em đồng ý chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông P1 cho bà Đào Thanh X. Hiện nay, bà X đang quản lý sử dụng diện tích đất 15.512m², đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C gồm 03 thửa đất liền kề: Thửa 161, diện tích 9.625m², loại đất lúa; Thửa 1103, diện tích 2.887m², loại đất thổ, cùng tờ bản đồ số 03, do bà hộ bà Đào Thanh X đứng tên quyền sử dụng đất; Thửa 1564, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.000m², loại đất thổ và đất vườn (chưa được cấp QSD đất).

Hiện trạng ranh đất giữa thửa 1564 của các nguyên đơn với đất của các bị đơn trước đây là một cái mương dẫn nước vào ruộng do ông bà của các nguyên đơn đào không rõ năm nào và không có gì chứng minh. Ông H2 lấp mương làm hàng rào và trồng cây vào khoảng năm 2001, căn nhà thì ông H2 cất năm nào thì các nguyên đơn không biết. Theo tờ xác định ranh đất của tộc họ ông H2 được lập vào ngày 15/4/1995 thì ông H2 được tộc họ chia cho phần đất chỉ 15m đủ theo chiều ngang nhưng ông H2 lấp con mương từ năm 1989 đến năm 2000 đã lấn sang đất của các nguyên đơn thêm 2,2m chiều dài từ mí nhựa chạy vào khoảng 19,96m đến điểm cuối cùng thì lấn sang càng nhỏ lại, tổng diện tích lấn chiếm là 177m². Đồng thời, năm 2008 đã xảy ra tranh chấp ranh đất trong tộc họ của ông H2 là giữa ông Lương Văn C2 và bà Võ Thị B. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xuống đo đạc và cắm trụ đá, xác định phần đất của ông C2 và bà B chỉ là 15m như tộc họ đã xác định nhưng không xác định đất ông H2.

Năm 1996, ông Đào Thanh P1 có tranh chấp ranh đất với ông H2. Năm 1997 chính quyền vào xác định ranh giới 02 bên thì ông H2 có hứa trả lại đất, nhưng không lập biên bản và không có gì chứng minh. Do ông H2 không thực hiện nên có tranh chấp tiếp nhưng chưa được giải quyết xong thì Đào Thanh P1 chết. Bà Đào Thanh X tiếp tục việc tranh chấp, nhưng sau đó giải quyết không thành đến năm 2014 thì ông H2 chết.

Trên diện tích đất tranh chấp có 03 cây xoài, do ông H2 mới trồng vào khoảng năm 2001, cây sộp, cây gừa, cây mai ông H mới trồng khoảng vài năm nay. Còn riêng ngôi miếu thì không xác định được thời gian nào. Việc 02 nhân chứng gồm Lê Thị T4 và Nguyễn Văn B có chứng kiến việc thỏa thuận ranh do ông H cung cấp là không khách quan, vì có mối quan hệ bà con. Khi xác định ranh thì tự phía họ tộc bị đơn lập và ký tên, bên nguyên đơn không có ai ký tên.

Nay bà X, bà T, bà P, bà T1, bà Y yêu cầu:

1. Xác định ranh giới giữa thửa 1564 tờ bản đồ số 4 với thửa 1597 tờ bản đồ số 4 như sau: Từ mốc số 2 kéo đường thẳng đến mốc số 3 dài 40,58m; từ mốc số 3 kéo thẳng đến mốc 12 giáp thửa 1654 dài 70,63m (theo Sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh).

2. Buộc ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Thị L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thị X1, bà Võ Ngọc L1 phải di dời nhà, cây trồng và các kiến trúc khác trả cho bà X, bà T, bà P, bà T1, bà Y diện tích là 177m² là một phần trong diện tích 3.000m², thuộc thửa 1564, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại tổ 4, ấp 3, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Võ Minh H cùng được ủy quyền của những người trong hộ ông H trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp thuộc thửa 1597 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp 3, xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh là do ông bà để lại. Ông Võ Văn H2 được cho đất diện tích vào thời gian nào thì không rõ. Năm 2004 thì ông H2 được cấp đổi giấy chứng nhận, thửa đất đang tranh chấp của ông H2 được cấp diện tích 2.932m². Hiện trạng ranh đất của ông H2 với thửa đất của các nguyên đơn có con mương do ông bà của ông H đào nhưng không biết thời gian nào. Vào năm 1982 – 1983 ông H2 có cất căn nhà như hiện nay, đến năm 1989 ông H2 lấp con mương để sử dụng nhưng không ai tranh chấp gì. Vào năm 1999 phía gia đình bà X có tranh chấp ranh đất, đến năm 2003 bà P san lấp cát diện tích đất con mương thì có kêu ông H2 ra chứng kiến và các bên thống nhất được ranh giới và trồng trụ đá làm hàng rào như hiện nay. Khi trồng trụ đá thì có bà Lê Thị T4 và ông Nguyễn Văn B chứng kiến và không có tranh chấp gì. Từ đó cho đến nay gia đình ông H2 vẫn sử dụng đất theo hiện trạng. Năm 2014 ông H2 chết thì bà X mới tiếp tục tranh chấp. Nay ông H, bà G, bà M, bà C1, bà Luyến E, bà X1 và bà L1 không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn. Đồng ý ranh giới theo hiện trạng các trụ đá ở các mốc như sau: Từ mốc 1 đến mốc 6, đến mốc 5, đến mốc 4, đến mốc 3 đến mốc 1 (theo Sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Trên đất có các cây trồng như 03 cây xoài do ông H2 trồng từ năm 1990, 01 cây mai trồng vào năm 1985, 01 gốc sộp trồng khoảng 1990, 01 cây gừa kiêng trồng năm 1990, 03 cây gạo, 06 cây chanh mới trồng, 03 bụi chuối và 01 ngôi miếu thờ có từ năm 1979. Tất cả các cây trồng và kiến trúc này do ông H2

quản lý đến khi ông H2 chết. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do ông H2 đứng tên, không có cầm cố thế chấp.

Việc tộc họ xác định cho bề ngang 15m ông H không thống nhất vì khi cho nói là bề ngang giáp sông và phần đất bị công nên phía sau rộng hơn 15m. Còn việc tranh chấp giữa ông C2 và bà B chỉ xác định diện tích đất của những người này, không xác định và cắm ranh hiện trạng đất của ông H2.

Người thừa kế theo pháp luật của ông Võ Văn H2 gồm ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thị X1, bà Võ Ngọc L1. Ngoài ra không còn ai khác.

- Tại bản án dân sự số 15/2018/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ranh giới quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1564, tờ bản đồ số 4 do bà Đào Thanh X, bà Đào Thanh T, bà Đào Thanh P, bà Đào Thanh T1 và bà Đào Thanh Y đang quản lý với phần đất thuộc thửa 1597 tờ bản đồ số 04 do ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thu X1 và bà Võ Ngọc L1 đang quản lý sử dụng tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được xác định theo các mốc như sau:

Mốc 1 đến mốc 6 dài 19,96m;

Mốc 6 đến mốc 5 dài 8,2m;

Mốc 5 đến mốc 4 dài 4,11m;

Mốc 4 đến mốc 3 dài 10,27m;

Mốc 3 đến mốc 12 dài 70,63m;

Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 14/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

Ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thị X1, bà Võ Ngọc L1 là người thừa kế của ông Võ Văn H2 có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Về án phí:

Bà X, bà T, bà P, bà T1 và bà Y phải nộp 637.200 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền thu tạm ứng án phí đã nộp là 265.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 05250 ngày 04/01/2017 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện C. Như vậy, bà X, bà T, bà P, bà T1 và bà Y tiếp tục nộp 372.200 đồng (Ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng).

- Về chi phí tố tụng khác:

Bà X, bà T, bà P, bà T1 và bà Y phải nộp 2.639.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) chi phí định giá (Tất cả số tiền đã nộp xong).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/4/2018 bà Đào Thanh X và bà Đào Thanh P là nguyên đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C với nội dung yêu cầu ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thu X1, bà Võ Ngọc L1 giao trả diện tích đất lấn chiếm 177m², thuộc thửa số 1564, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Luật sư T2 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đào Thanh X trình bày: Diện tích đất 177m² nằm trong thửa đất 1564 chưa cấp quyền sử dụng đất cho bà X; cạnh giáp lộ nhựa ngang 17,45m so với sơ đồ đo đạc chỉ có 16,64m thiếu gần 01m; đối với trồng cây, xây nhà của ông H2 vào năm 1979 không đúng mà bà cho rằng phần nhà nằm trong phần đất tranh chấp là do ông H2 mới xây dựng thêm; việc trồng các trụ đá của ông H2 thì bà P không có chứng kiến; chiều ngang đất của ông H2 chỉ có 15m so với sơ đồ đo đạc thì nhiều hơn; đối với tờ xác nhận của Hà Thanh H3 ngày 08/5/2018 so với công văn số 93/UBND-HC ngày 11/9/2013 của Ủy ban nhân dân xã B về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Đào Thanh X có mâu thuẫn về thành phần tham gia hòa giải vào năm 1999, ông H3 xác định là không có tham gia nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X và bà P, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Bà Đào Thanh X bổ sung: Thửa đất 1564 không phải là đất lúa mà là loại đất thổ và đất vườn có diện tích 1.846m² là không đúng mà phải là 3.000m² mới đúng.

Ông Thái Quang T trình bày: Thửa 1564 nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn; bà P có san lấp cát phần mương ranh nằm bên phía đất của các nguyên đơn; không có căn cứ xác định chiều ngang đất của nguyên đơn là 17,4m do nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông Giảng Văn H4 là người xây nhà cho ông H2 xác nhận vào 1982-1983; các cây trồng đã thể hiện rất rõ trong biên bản thẩm định bổ

sung nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X và bà P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Ông Võ Minh H trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông Thái Quang T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Nguyên đơn cho rằng thửa đất 1564 phải có diện tích 3.000m², tại phiên tòa phúc thẩm bà X xác định là 2.877² nhưng đều không có căn cứ, theo hồ sơ do nhà nước quản lý thửa đất 1564 có diện tích 1.864m², đo đạc thực tế không tính diện tích tranh chấp là 2.772m², chênh lệch thừa 926m²; tờ xác định ranh đất trong họ tộc ông Võ Văn H2 ngày 15/4/1995 không có nội dung xác định ranh với gia đình các nguyên đơn; hiện trạng ranh đất đã có các trụ đá, hàng rào được xác lập từ năm 2003, khi đó bà P đang quản lý đất nhưng không có ý kiến phản đối, đến năm 2013 mới có khiếu nại; trên diện tích đất tranh chấp bị đơn sử dụng toàn bộ để cất nhà vào năm 1982 và trồng cây vào năm 1979 bên nguyên đơn không tranh chấp. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thanh X và bà Đào Thanh P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thanh X và bà Đào Thanh P về việc yêu cầu ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyện E, bà Võ Thu X1, bà Võ Ngọc L1 giao trả diện tích đất lấn chiếm 177m², thuộc thửa số 1564, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp Hội đồng xét xử xét thấy.

- Căn cứ mà các nguyên đơn xác định ranh giới quyền sử dụng đất thửa 1564 chưa được cấp quyền sử dụng đất với thửa 1597 do ông Võ Văn H2 đứng tên quyền sử dụng đất là dựa vào tờ xác định ranh đất của tộc họ ông H2 ngày 15/4/1995 của những người trong họ ông H2, theo đó thì ông H2 chỉ được chia phần đất có chiều ngang lộ nhựa là 15m (đủ), và theo kết quả giải quyết của bản án dân sự phúc thẩm số 400/2008/DS-PT ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa

ông Lương Văn C2 và bà Võ Thị B cũng xác định chiều ngang diện tích đất của bà B chỉ có 15m theo tờ xác định ranh đất ngày 15/4/1995. Tuy nhiên, theo tờ xác định ranh đất ngày 15/4/1995 thì chỉ là sự thỏa thuận của những người trong họ ông H2, không có đo đạc thực tế, cũng không có xác định ranh giới với các thửa đất liền kề nên không thể xác định được ranh giới thửa 1564 với thửa 1597 của ông H2. Đối với bản án dân sự phúc thẩm số 400/2008/DS-PT ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp chỉ giải quyết tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Võ Thị B với ông Lương Văn C2, không có xác định ranh giới quyền sử dụng đất của ông Võ Văn H2.

- Đối với việc các nguyên đơn cho rằng diện tích phần đất mà ông H1 được sử dụng là 15.512m², trong đó Thửa 161, diện tích 9.625m², loại đất lúa; Thửa 1103, diện tích 2.887m², loại đất thổ, cùng tờ bản đồ số 03, do hộ bà Đào Thanh X đứng tên quyền sử dụng đất; do đó Thửa 1564, tờ bản đồ số 4, còn lại diện tích 3.000m² nhưng các nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh là thửa 1564 còn lại có diện tích là 3.000m². Theo Công văn số 543/UBND-HC ngày 07/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cung cấp thông tin thì quyền sử dụng đất thửa 1564 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 1.846m² so với diện tích đo đạc thực tế là 2.772m² thửa 926m² (chưa kể phần diện tích tranh chấp 177m²) nên các nguyên đơn không thể xác định đất của mình thiếu 177m² là không có căn cứ.

- Đối với việc các nguyên đơn cho rằng ranh đất giữa hai bên trước đây là con mương do ông bà của nguyên đơn đào nhưng không có gì để chứng minh. Theo hiện trạng diện tích đất tranh chấp hiện nay có một phần căn nhà của ông H2 được xây dựng khoảng năm 1982-1983, 03 cây xoài cát hòa lộc (bề hoành gốc từ 1,15m đến 1,5m), 02 cây gừa, 01 cây mai (bề hoành gốc 0,64m), 01 cây mận (bề hoành gốc 1,12m), do ông H2 trồng và hàng rào lưới B40 làm khoảng năm 2004. Đối với con mương đã bị lấp, phần từ mí hàng rào qua đất của ông H2 được lấp bằng đất, phần từ mí hàng rào qua đất của nguyên đơn được lấp bằng cát. Như vậy việc bà X cho rằng ông H2 đã lấp hết con mương là không đúng. Đồng thời khi ông H2 cất nhà khoảng năm 1982-1983 thì các bên không có tranh chấp gì.

[2] Từ những nhận định trên, xét thấy việc các nguyên đơn yêu cầu xác định ranh đất với ông H2 là đường thẳng từ mốc 2 đến mốc 3 là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh đất giữa các nguyên đơn với ông H2 là đường thẳng nối các mốc 1-6-5-4 đến mốc 3 (hiện trạng là hàng rào lưới B4) là phù hợp với hiện trạng sử dụng đất giữa các bên nên giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hai bên thống nhất đoạn ranh giới quyền sử dụng đất từ mốc 3 đến mốc 12 là ranh chung không có tranh chấp và yêu cầu

Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương không trái đạo đức xã hội và vi phạm điều cấm của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X của luật sư chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X và bà P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[7] Do yêu cầu kháng cáo của bà X và bà P không được chấp nhận nên hai bà phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thanh X và bà Đào Thanh P;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất thửa số 1564, tờ bản đồ số 4 do bà Đào Thanh X, bà Đào Thanh T, bà Đào Thanh P, bà Đào Thanh T1 và bà Đào Thanh Y đang quản lý với phần đất thuộc thửa 1597 tờ bản đồ số 04 do ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thu X1 và bà Võ Ngọc L1 đang quản lý, sử dụng cùng tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được xác định theo các mốc như sau:

Mốc 1 đến mốc 6 dài 19,96m;

Mốc 6 đến mốc 5 dài 8,2m;

Mốc 5 đến mốc 4 dài 4,11m;

Mốc 4 đến mốc 3 dài 10,27m;

Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/6/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 02/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

4. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên đương sự về ranh giới quyền sử dụng đất nối từ mốc 3 đến mốc 12 tạo thành đoạn thẳng là ranh giới chung giữa hai bên.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên được xác định từ không gian đến lòng đất theo chiều thẳng đứng, các tài sản, vật kiến trúc có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dỡ, di dời bằng mọi hình thức.

5. Ông Võ Minh H, bà Lê Thị G, bà Võ Ngọc C, bà Võ Thị M, bà Võ Ngọc L, bà Võ Thu C1, bà Võ Thị Luyến E, bà Võ Thị X1, bà Võ Ngọc L1 là người thừa kế của ông Võ Văn H2 có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà X, bà T, bà P, bà T1 và bà Y phải nộp 637.200 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền thu tạm ứng án phí đã nộp là 265.000 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 05250 ngày 04/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy, bà X, bà T, bà P, bà T1 và bà Y nộp tiếp 372.200 đồng (Ba trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng).

7. Về chi phí tố tụng khác:

Bà X, bà T, bà P, bà T1 và bà Y phải nộp 2.639.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) chi phí định giá (Tất cả số tiền đã nộp xong).

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà X và bà P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 04500 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

9. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Nước